

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST

Ngày: 25 - 3 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Ông Võ Văn Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đồng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 666/2022/QĐXX-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 750/2022/QĐ9ST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn H, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số 07, đường T, khu vực T, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Định, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 47, đường T, khu vực T, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Định, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3. 1. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 47, đường T, khu vực T, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3. 2. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số 07, đường T, khu vực T, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn H trình bày: vợ chồng ông và vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L là thông gia và nhà ở gần nhau. Ngày 27/7/2014AL, vợ chồng bà Phan Thị Đ đến nhà ông vay số tiền 10.000.000đ và 01 (một) lượng vàng y, có viết giấy nợ, mục đích vay để vợ chồng làm ăn, hẹn trong năm 2014 sẽ hoàn trả nợ, lãi suất thỏa thuận 1.000.000đ/tháng, có tháng bà Phan Thị Đ trả lãi, có tháng không trả. Ngày 22/3/2021AL, hai bên thỏa thuận quy đổi số nợ 10.000.000đ và 01 (một) lượng vàng y thành số tiền 50.000.000đ, bà Phan Thị Đ có viết giấy xác nhận nợ và hẹn ngày 22/8/2021AL hoàn trả, nhưng đến ngày hẹn bà Phan Thị Đ không trả. Ngày 22/10/2021, ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn buộc vợ chồng bà Phan Thị Đ trả số tiền nợ 50.000.000đ. Đến ngày 29/12/2021, vợ chồng bà Phan Thị Đ đã trả 15.000.000đ tiền gốc, nên ông đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L hoàn trả cho vợ chồng ông (Trương Văn H, Nguyễn Thị E) số nợ gốc 35.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số nợ gốc từ ngày 22/3/2021 cho đến ngày trả xong số nợ.

- Theo bản tự khai, các biên bản lấy lời khai bị đơn bà Phan Thị Đ trình bày: bà bắt đầu vay tiền của vợ chồng ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E từ năm 2008, lần đầu vay số tiền 15.000.000đ, lần thứ hai vay số tiền 5.000.000đ, lần thứ ba vay 01 lượng vàng. Khi vay không xác định thời hạn trả, khi nào vợ chồng ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E cần tiền thì báo cho bà biết; lãi suất thỏa thuận 1.500.000đ/tháng, sau đó thỏa thuận lại còn 1.000.000đ/tháng. Ngày 22/3/2021 AL, hai bên gặp nhau thỏa thuận quy đổi số nợ 20.000.000đ và 01 (một) lượng vàng y thành số tiền 50.000.000đ, bà có viết giấy xác nhận nợ. Ngày 29/12/2021, bà đã trả 15.000.000đ tiền vay gốc. Bà xác định còn nợ vợ chồng ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E số tiền vay gốc 35.000.000đ. Do dịch bệnh covid -19 ảnh hưởng đến việc buôn bán, bà không có khả năng trả nợ cho vợ chồng ông H, bà E một lần nên xin trả số dần số nợ gốc mỗi tháng 2.000.000đ và xin không trả lãi. Số nợ này do một mình bà vay, bà sẽ chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông H, bà E.

- Theo biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L trình bày: ông là chồng bà Phan Thị Đ. Vợ chồng ông có vay vợ chồng ông Trương Văn H số tiền 50.000.000đ. Ngày 29/12/2021, vợ chồng ông đã trả cho vợ chồng ông Trương Văn H số tiền 15.000.000đ. Ông thống nhất cùng vợ trả số nợ còn lại cho vợ chồng ông H.

- Theo biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị E trình bày: Bà là vợ ông Trương Văn H. Bà thống nhất như lời trình

bày và yêu cầu của ông Trương Văn H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L cùng có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng Trương Văn H, Nguyễn Thị E số tiền vay gốc 35.000.000đ và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Trương Văn H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L cùng có nghĩa vụ trả tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phan Thị Đ đang cư trú tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Trương Văn H, bà Phan Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị E đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[4] Ông Trương Văn H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 50.000.000đ cho vợ chồng ông (Trương Văn H, Nguyễn Thị E) theo 02 giấy nợ (bút lục 15, 16). Ngày 29/12/2021, vợ chồng bà Phan Thị Đ trả cho vợ chồng ông số tiền vay gốc 15.000.000đ, số tiền vay gốc còn nợ là 35.000.000đ. Bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L đều thừa nhận có vay ông Trương Văn H số tiền 50.000.000đ, đã trả 15.000.000đ tiền gốc và 02 giấy nợ mà ông Trương Văn H cung cấp nội dung chữ viết, chữ ký là của bà Phan Thị Đ. Do vậy, có căn cứ xác định bà Phan Thị Đ còn nợ vợ chồng ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E số tiền vay gốc là 35.000.000đ.

[5] Bà Phan Thị Đ cho rằng số nợ này do một mình bà vay, bà sẽ chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông H, bà E. Tuy nhiên, bà Phan Thị Đ xác định mục đích

vay tiền để vợ chồng bà mua bán tole. Ông Nguyễn Thanh L xác định biết việc vay tiền và thống nhất cùng với vợ Phan Thị Đ trả nợ. Nên buộc ông Nguyễn Thanh L phải cùng với bà Phan Thị Đ có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho vợ chồng ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E.

[6] Bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L xin được trả dần số nợ mỗi tháng 2.000.000đ và xin tiền lãi chậm trả nợ. Yêu cầu này không được ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E đồng ý nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[7] Thời điểm vay, ông Trương Văn H và bà Phan Thị Đ có thỏa thuận trả lãi 1.000.000đ/tháng trên số tiền nợ (02%/tháng), không xác định thời hạn trả nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi suất. Tuy nhiên, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng (24%/năm) vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (20%/năm) nên mức lãi vượt quá không có hiệu lực. Do đó, tiền lãi được tính như sau:

- Khoản vay 50.000.000đ, từ ngày xác nhận nợ 22/3/2021 AL (tức ngày 03/5/2021) đến ngày 29/12/2021 (ngày trả số tiền vay gốc 15.000.000đ) là 241 ngày, tiền lãi theo quy định được tính: $(50.000.000đ \times 20\% \times 241 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày}$ là 6.602.740đ.

- Khoản vay 35.000.000đ, từ ngày 30/12/2021 đến ngày xét xử (25/3/2022) là 86 ngày, tiền lãi được tính: $(35.000.000đ \times 20\% \times 86 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày}$ là 1.649.315đ.

Tổng số tiền lãi là 8.252.055đ.

[8] Như vậy, tổng số tiền vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E là 43.252.055đ (trong đó có 35.000.000đ tiền vay gốc và 8.252.055đ tiền lãi).

[9] Ngày 14/01/2022, ông Trương Văn H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L trả số tiền vay 15.000.000đ. Việc ông Trương Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện, nên đình chỉ một phần khởi kiện của ông Trương Văn H.

[10] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E không phải chịu tiền án phí. Bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí về tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $43.252.055đ \times 5\% = 2.162.603$ (hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ ba) đồng.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn H. Buộc bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị E số tiền nợ là 43.252.055(bốn mươi ba triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó gồm 35.000.000(ba mươi lăm triệu) đồng tiền vay gốc và 8.252.055(tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn H về việc yêu cầu bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L liên đới trả số tiền vay gốc 15.000.000(mười lăm triệu) đồng.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn Thanh L cùng phải chịu 2.162.603(hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ ba) đồng.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng